# VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

## VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG TƯ**
**Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy**

Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung*

*một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ- CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.*[1]

---

[1] Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

**Điều 2.**[2] Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2017.

Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy; Thông tư số 03/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng trường đại học; Hiệu trưởng trường cao đẳng tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

---

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: 04/VBHN-BGDĐT

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2018*

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Phúc**

---

[2] Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018 quy định như sau:

*"**Điều 3.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018. Bãi bỏ Quy chế Tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

***Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng trường đại học; Hiệu trưởng trường cao đẳng, Hiệu trưởng trường trung cấp tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."*

# QUY CHẾ
## Tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy[3]

*(Ban hành kèm theo Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp[4] nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy bao gồm: tổ chức tuyển sinh, đề án tuyển sinh, điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, chính sách ưu tiên trong tuyển sinh; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của trường trong công tác tuyển sinh; tuyển sinh tại các trường sử dụng kết quả của kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia, tuyển sinh tại các trường không sử dụng kết quả của kỳ thi THPT quốc gia; tuyển sinh tại trường sử dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh; xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp[5] nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy (sau đây gọi là Quy chế tuyển sinh) và chế độ báo cáo, lưu trữ; khen thưởng và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh.

---

[3] Cụm từ "Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy" được sửa đổi bởi cụm từ "Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy" theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[4] Cụm từ "tuyển sinh trung cấp" được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[5] Cụm từ "tuyển sinh trung cấp" được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

2.[6] Quy chế này áp dụng đối với các đại học, học viện, trường đại học; các trường cao đẳng, trường trung cấp tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên (sau đây gọi chung là các trường); các sở giáo dục và đào tạo (GDĐT) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện tuyển sinh đại học (ĐH) hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên (CĐSP) hệ chính quy, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên (TCSP) hệ chính quy.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh đi học nước ngoài.

**Điều 2. Tổ chức tuyển sinh**

1. Các trường có sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Xác định và công bố công khai tổ hợp các bài thi/môn thi để xét tuyển vào các ngành, nhóm ngành. Trong đó Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội là các bài thi; các môn thi thành phần của bài thi Khoa học tự nhiên, bài thi Khoa học Xã hội là môn thi;

b) Căn cứ hướng dẫn xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Bộ GDĐT để quy định cụ thể và công bố công khai điều kiện xét tuyển thẳng và điều kiện ưu tiên xét tuyển vào các ngành học của các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quy chế này;

c) Các trường có thủ tục sơ tuyển; các trường tổ chức thi đánh giá năng lực chuyên biệt hoặc có môn thi năng khiếu kết hợp với sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia (sau đây gọi chung là các trường đặc thù): xác định và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác về thời gian, hồ sơ đăng ký sơ tuyển; thủ tục, điều kiện đạt yêu cầu sơ tuyển; phương thức tổ chức thi, đề thi minh họa đối với các trường tổ chức thi đánh giá năng lực chuyên biệt và phương thức xét tuyển.

2. Các trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Lựa chọn, quyết định phương thức tuyển sinh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Giáo dục đại học;

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các khâu: ra đề thi, coi thi, chấm thi (nếu tổ chức thi tuyển); xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển; giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến tuyển sinh;

b) Nếu sử dụng kết quả thi tuyển sinh của các trường khác để xét tuyển phải quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh của trường;

c) Có thể tổ chức tuyển sinh riêng từng phần cho một số khoa, ngành;

d) Đảm bảo các yêu cầu: Không để phát sinh hiện tượng các tổ chức và cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, nhà giáo của nhà trường tổ chức luyện thi; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch trong tuyển sinh; không gây khó khăn, bức xúc đối với thí sinh và xã hội.

3. Các trường sử dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh cho một ngành hoặc nhóm ngành (sau đây gọi chung là ngành) phải xác định và công bố công khai chỉ tiêu cho từng phương thức tuyển sinh; thực hiện các quyền và nhiệm vụ tương ứng với từng phương thức quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.

4. Các trường có thể tổ chức nhiều đợt tuyển sinh trong năm, báo cáo Bộ GDĐT kết quả tuyển sinh trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Điều 3. Đề án tuyển sinh**

1. Đề án tuyển sinh của trường phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a)[7] Cung cấp đầy đủ các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng: cơ sở vật chất (phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm và các trang thiết bị chính yếu, học liệu), đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên chính quy có việc làm sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp của 2 năm gần nhất so với năm tuyển sinh theo khối ngành (Phụ lục kèm theo).

Trong trường hợp thay đổi nội dung đề án, trường phải công bố, công khai trước ít nhất 10 ngày tính đến ngày đầu tiên thí sinh điều chỉnh nguyện vọng và có trách nhiệm thông báo tới thí sinh có liên quan về việc thay đổi nội dung đề án của trường.

---

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Các trường không công khai đầy đủ các thông tin theo quy định này thì không được thông báo tuyển sinh, trường hợp kê khai thông tin không đúng với điều kiện thực tế thì bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 25 của Quy chế này.

b) Quy định chỉ tiêu tuyển sinh theo các hình thức tuyển sinh khác nhau (nếu có); ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Quy chế này;

c) Quy định rõ về việc trường có sử dụng hay không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT để tuyển sinh;

d) Đối với trường đào tạo trình độ CĐSP xét tuyển học sinh tốt nghiệp trung cấp phải quy định rõ cách thức xét tuyển vào ngành học phù hợp;

đ)[8] ***(Được bãi bỏ)***

2. Các trường đào tạo sư phạm có thể mở rộng diện xét tuyển thẳng (ngoài quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 của Quy chế này) đối với các học sinh đã tốt nghiệp trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố vào các ngành phù hợp với môn học chuyên hoặc môn đoạt giải nếu đáp ứng điều kiện: ba năm học THPT chuyên của tỉnh đạt học sinh giỏi hoặc đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức và các điều kiện khác do trường quy định trong đề án tuyển sinh của trường.

3. Tất cả các trường đều phải xây dựng và công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của trường và trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước khi thí sinh đăng ký dự thi kỳ thi THPT quốc gia; chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của Đề án; đồng thời, gửi về Bộ GDĐT để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

**Điều 4. Chỉ đạo công tác tuyển sinh**

Bộ GDĐT ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh chính quy đối với các trường; thống nhất quản lý, chỉ đạo các trường trong công tác tuyển sinh.

**Điều 5. Hoạt động thanh tra công tác tuyển sinh**

1. Bộ GDĐT tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của các trường và của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác tuyển sinh.

---

[8] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

2. Các bộ, ngành; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là UBND cấp tỉnh) tổ chức kiểm tra công tác tuyển sinh đối với các trường trực thuộc theo thẩm quyền.

3. Chánh Thanh tra Bộ GDĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh; trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh theo quy định.

4. Chánh Thanh tra Sở GDĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh; trường hợp cần thiết Giám đốc Sở GDĐT quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra công tác tuyển sinh đối với cơ sở giáo dục trực thuộc UBND cấp tỉnh.

5. Hiệu trưởng các trường tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong cơ sở theo quy định.

6. Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

7. Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào các trường không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong năm đó.

**Điều 6. Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh**

1.[9] Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học;

Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định.

2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hóa học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: Hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

3. Trong độ tuổi quy định đối với những trường, ngành có quy định về tuổi.

---

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

4. Đạt các yêu cầu sơ tuyển, nếu đăng ký xét tuyển (ĐKXT) hoặc dự thi vào các trường có quy định sơ tuyển.

5. Có hộ khẩu thường trú thuộc vùng tuyển quy định, nếu ĐKXT hoặc dự thi vào các trường có quy định vùng tuyển.

6. Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển vào những trường do Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an quy định sau khi đã được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

**Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh**

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1 quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 của Quy chế này;

- Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen;

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh";

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng;

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" mà người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh" bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay ĐKXT;

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng;

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

+ Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành sư phạm;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, quyết định.

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Các đối tượng được xét tuyển thẳng vào các trường:

Các trường công bố công khai chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo để xét tuyển thẳng trong Đề án tuyển sinh của trường[10].

---

[10] Đoạn "Các trường công bố công khai chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo để xét tuyển thẳng trong Đề án tuyển sinh của trường" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào các trường ĐH, CĐSP, TCSP[11] thể dục, thể thao (TDTT) hoặc các ngành TDTT của các trường theo quy định của từng trường.

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

[11] Cụm từ "CĐSP" được sửa đổi bởi cụm từ "CĐSP, TCSP" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

công nhận thì được xét tuyển thẳng vào học các ngành học tương ứng trình độ ĐH, CĐSP, TCSP theo quy định của từng trường[12];

Những thí sinh đoạt giải các ngành TDTT, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

e) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải khuyến khích trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT, được xét tuyển thẳng vào CĐSP, TCSP[13] theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải;

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT;

g) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường ĐH, CĐSP, TCSP[14] Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập THPT

---

[12] Đoạn "Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận thì được xét tuyển thẳng vào học các ngành học tương ứng trình độ ĐH, CĐSP, TCSP theo quy định của từng trường" được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[13] Cụm từ "CĐSP" được sửa đổi bởi cụm từ "CĐSP, TCSP" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[14] Cụm từ "CĐSP" được sửa đổi bởi cụm từ "CĐSP, TCSP" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

i) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc thiểu số[15] rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng các trường quy định.

k) Người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên; người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này được xét tuyển thẳng vào cùng ngành sư phạm trình độ cao đẳng.

l)[16] Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật thì được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đạt giải.

---

[15] Cụm từ "dân tộc" được sửa đổi bởi cụm từ "dân tộc thiểu số" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[16] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

3. Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào các trường ĐH, CĐSP, TCSP[17].

Các trường công bố công khai chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo để ưu tiên xét tuyển trong Đề án tuyển sinh của trường[18].

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học, nếu có kết quả thi THPT quốc gia đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào quy định của Quy chế này, Hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào ĐH TDTT hoặc các ngành TDTT tương ứng theo quy định của từng trường.

Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban TDTT có quyết định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được ưu tiên xét tuyển vào CĐSP, TCSP[19] TDTT hoặc các ngành TDTT tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật đã tham dự

---

[17] Cụm từ "CĐSP" được sửa đổi bởi cụm từ "CĐSP, TCSP" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[18] Đoạn "Các trường công bố công khai chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo để ưu tiên xét tuyển trong Đề án tuyển sinh của trường" được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[19] Cụm từ "CĐSP" được sửa đổi bởi cụm từ "CĐSP, TCSP" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

kỳ thi THPT quốc gia, không có bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được trường ưu tiên xét tuyển theo quy định của từng trường[20];

Những thí sinh đoạt giải các ngành TDTT, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường.

d)[21] Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên xét tuyển vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đạt giải theo quy định của từng trường.

4. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học THPT (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm tuyển sinh.

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

---

[20] Đoạn "Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có môn nào có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được trường ĐH, CĐSP ưu tiên xét tuyển theo quy định của từng trường" được sửa đổi bởi đoạn "Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học hoặc tốt nghiệp trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật đã tham dự kỳ thi THPT quốc gia, không có bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống, được trường ưu tiên xét tuyển theo quy định của từng trường" theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[21] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

- Học sinh các trường, lớp dự bị ĐH;

- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc UBND cấp tỉnh;

- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; các thôn, xã khó khăn, đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên[22];

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm:

Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã

---

[22] Đoạn "- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên" được sửa đổi bởi đoạn "- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; các thôn, xã khó khăn, đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên" theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm:

Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm:

Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1);

- Khu vực 3 (KV3) gồm:

Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

5.[23] Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

## Chương II
## TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC TRƯỜNG TRONG CÔNG TÁC TUYỂN SINH

### Điều 8. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh trường

1. Hiệu trưởng các trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS trường gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo (hoặc Phòng Khảo thí);

---

[23] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

d) Các ủy viên: Một số Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn và cán bộ công nghệ thông tin.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS trường.

a) Tổ chức triển khai các phương án tuyển sinh đã lựa chọn;

b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

c) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển;

d) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

đ) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ GDĐT và cơ quan trực tiếp quản lý trường (Bộ, Ngành, UBND cấp tỉnh).

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS trường.

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;

b) Báo cáo với Bộ GDĐT và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;

c) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS trường để triển khai công tác tuyển sinh.

5. Phó Chủ tịch HĐTS trường thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS ủy quyền.

**Điều 9. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường**

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS trường gồm có:

a) Trưởng ban do ủy viên thường trực HĐTS trường kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên: một số cán bộ Phòng Đào tạo hoặc Phòng Khảo thí, các khoa, phòng và cán bộ công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS của trường sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển:

a) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT tất cả các thông tin của trường theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này để thực hiện xét tuyển;

b) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

c) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;

d) Triệu tập thí sinh trúng tuyển;

đ) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Điều 14, 15 của Quy chế này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS trường đối với trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để sơ tuyển, xét tuyển:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký dự thi, xét tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định của Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT nếu thực hiện thi tuyển.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

**Điều 10. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển**

1. Các ban chuyên môn đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển gồm: Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo.

2. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn của các trường tổ chức thi tuyển thực hiện theo quy định của Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT. Hiệu trưởng các trường tổ chức thi các môn năng khiếu, thi đánh giá năng lực chuyên biệt, có thể ban hành Quy chế tuyển sinh của trường sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường, công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và gửi về Bộ GDĐT để báo cáo.

## Chương III
## TUYỂN SINH TẠI CÁC TRƯỜNG SỬ DỤNG KẾT QUẢ CỦA KỲ THI THPT QUỐC GIA

**Điều 11. Nguyên tắc lựa chọn tổ hợp các bài thi/môn thi để xét tuyển**

1.[24] ***(Được bãi bỏ)***

2. Việc thêm các tổ hợp bài thi/môn thi mới để xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Sử dụng kết quả của 3 bài thi/môn thi, trong đó có ít nhất một trong hai bài thi Toán, Ngữ văn để xét tuyển. Các bài thi/môn thi đưa vào tổ hợp để xét tuyển phải gắn với yêu cầu của ngành đào tạo; không sử dụng nhiều hơn 4 tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển cho một ngành;

b) Đối với các trường, ngành năng khiếu, sử dụng kết quả của 3 bài thi/môn thi, trong đó, có ít nhất một bài thi Toán hoặc Ngữ văn kết hợp với kết quả thi năng khiếu để xét tuyển.

3. Tùy theo yêu cầu của ngành đào tạo, các trường có thể quy định bài thi/môn thi chính được nhân hệ số khi xét tuyển.

**Điều 12. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào**[25]

1. Đối với ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên ở các trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp: Căn cứ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, Bộ GDĐT xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào để các trường xây dựng phương án xét tuyển.

2. Đối với các ngành khác, các trường tự xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, công bố trên trang thông tin điện tử của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng.

**Điều 13. Tổ chức xét tuyển**

1. Nguyên tắc xét tuyển:

a) Thí sinh có đủ các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này và đáp ứng yêu cầu của trường có quyền ĐKXT;

b) Thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng, số trường và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong xét tuyển đợt 1, đối với từng trường, ngành, thí sinh được

---

[24] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[25] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ quy định tại điểm c khoản này. Đối với mỗi thí sinh, nếu ĐKXT vào nhiều trường/ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Thí sinh ĐKXT vào các trường thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, ngoài các quy định này còn phải thực hiện các quy định, hướng dẫn của Bộ liên quan;

c)[26] Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định Điều 7 của Quy chế này và được làm tròn đến hai chữ số thập phân; Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển theo các điều kiện phụ do mỗi trường đã thông báo, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn;

d) Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung;

đ)[27] Các trường có thể thực hiện nhiều đợt tuyển sinh trong năm, đề án tuyển sinh của các đợt phải được công bố trên trang thông tin điện tử của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển ít nhất 10 ngày.

Trước ngày 01 của các tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 8, tháng 9, tháng 11, các trường phải cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh nhập học của các đợt tuyển sinh lên trang thông tin điện tử của trường và Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

2. Hỗ trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Bộ GDĐT xây dựng Cổng thông tin tuyển sinh để hỗ trợ thí sinh và các trường trong công tác tuyển sinh, bao gồm các thông tin về: chỉ đạo điều hành công tác

---

[26] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[27] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

tuyển sinh; cơ sở dữ liệu về kết quả kỳ thi THPT quốc gia; đề án tuyển sinh/điều kiện tuyển sinh của các trường; hệ thống nhập dữ liệu thống kê nguyện vọng của thí sinh và các thông tin khác cần thiết cho công tác tuyển sinh.

3. Nhiệm vụ của các trường:

a) Trước khi thí sinh làm thủ tục ĐKXT, các trường công bố các thông tin cần thiết lên trang thông tin điện tử của trường để thí sinh ĐKXT: mã số trường, mã số ngành, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, tổ hợp xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển và các quy định khác không trái với quy định của Quy chế này; nhập đầy đủ các thông tin về tuyển sinh của trường lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trong thời hạn quy định. Riêng điểm nhận ĐKXT có thể quy định sau khi có kết quả thi THPT quốc gia và phù hợp với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Quy chế này;

b) Các trường có thể tự nguyện phối hợp với nhau thành nhóm trường để thực hiện xét tuyển;

c) Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 quy định tại khoản 5 Điều này và xét tuyển bổ sung quy định tại khoản 6 Điều này; quyết định điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành của trường và công bố kết quả trúng tuyển trong thời hạn quy định;

d) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT danh sách thí sinh đã xác nhận nhập học; báo cáo Bộ GDĐT kết quả nhập học của thí sinh sau mỗi kỳ tuyển sinh theo quy định.

đ)[28] Chỉ tiêu tuyển sinh của các trường xác định theo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ do Bộ GDĐT ban hành.

4. Nhiệm vụ của thí sinh:

a) Để xét tuyển đợt 1, thí sinh nộp phiếu ĐKXT cùng với hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia theo quy định của sở GDĐT kèm theo lệ phí ĐKXT. Trong các đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh thực hiện ĐKXT và nộp lệ phí theo quy định của trường;

---

[28] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

b) Sau khi có kết quả thi THPT quốc gia, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT một lần trong thời gian quy định, bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại nơi đăng ký dự thi;

c) Xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển theo quy định tại điểm đ khoản 5 hoặc điểm e khoản 6 Điều này;

d) Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKXT và đăng ký dự thi. Các trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT và dữ liệu đăng ký dự thi với hồ sơ gốc.

5. Xét tuyển đợt 1

a) Sau khi kết thúc thời gian ĐKXT, các trường tham khảo thông tin trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để chuẩn bị phương án tuyển sinh phù hợp;

b) Sau khi hết thời hạn thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT, các trường/nhóm trường khai thác thông tin (của trường/nhóm trường mình và của các trường/nhóm trường khác có liên quan) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để dự kiến điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển vào trường/nhóm trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Các trường/nhóm trường (bao gồm cả các trường đặc thù quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Quy chế này) nhập lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT danh sách thí sinh trúng tuyển dự kiến trong thời gian quy định để hệ thống tự động loại bỏ những nguyện vọng thấp của thí sinh được dự kiến trúng tuyển nhiều nguyện vọng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Các trường/nhóm trường điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định; quyết định điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển chính thức; công bố kết quả trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường và trên phương tiện thông tin đại chúng khác;

đ) Thí sinh xác nhận nhập học vào trường đã trúng tuyển trong thời hạn quy định bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi đến trường bằng thư chuyển phát nhanh;

e) Các trường tổng hợp kết quả thí sinh xác nhận nhập học, cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và quyết định dừng xét tuyển hay tiếp tục xét tuyển bổ sung.

6. Xét tuyển bổ sung

a) Xét tuyển bổ sung có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần;

b) Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh của trường và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học tại trường sau xét tuyển đợt 1 (kể cả số thí sinh được xét tuyển thẳng và số học sinh dự bị của trường; học sinh các trường dự bị ĐH được giao về trường), Hội đồng tuyển sinh trường xem xét, quyết định các nội dung xét tuyển bổ sung;

c) Các trường thông báo điều kiện xét tuyển bổ sung, điểm nhận hồ sơ xét tuyển bổ sung không được thấp hơn điểm trúng tuyển đợt 1; công bố lịch xét tuyển;

d) Thí sinh chưa trúng tuyển hay đã trúng tuyển mà chưa xác nhận nhập học vào bất cứ trường nào có thể thực hiện ĐKXT bổ sung trực tuyến hoặc theo phương thức khác do trường quy định;

đ) Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, trường công bố trên trang thông tin điện tử của trường và trên phương tiện thông tin đại chúng về điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển;

e) Thí sinh xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, bằng phương thức trực tuyến hoặc theo quy định của từng trường;

g) Trường cập nhật danh sách thí sinh xác nhận nhập học lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT.

**Điều 14. Triệu tập thí sinh trúng tuyển đến trường**

1. Hội đồng tuyển sinh trường gửi giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học.

2. Trường tổ chức kiểm tra sức khỏe cho thí sinh mới nhập học theo hướng dẫn của liên Bộ Y tế và Bộ GDĐT.

3. Thí sinh trúng tuyển vào trường cần nộp bản sao hợp lệ những giấy tờ sau đây:

a) Học bạ;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học tạm thời đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp trung học đối với những người đã tốt nghiệp các năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bản chính bằng tốt nghiệp trung học để đối chiếu kiểm tra;

c) Giấy khai sinh;

d) Các minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT;

đ) Giấy triệu tập trúng tuyển.

4. Đối với thí sinh đến trường nhập học chậm sau 15 ngày trở lên kể từ ngày nhập học ghi trong giấy triệu tập trúng tuyển:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như bỏ học;

b) Nếu đến chậm do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, các trường xem xét quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học năm sau.

5.[29] ***(Được bãi bỏ)***

**Điều 15. Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển**

1. Khi thí sinh đến nhập học, trường phải tổ chức kiểm tra hồ sơ đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế này.

2. Trong quá trình sinh viên đang theo học tại trường, trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hồ sơ và kết quả thi của thí sinh theo quy định.

**Điều 16. Sử dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh**

1. Các sở GDĐT chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ đủ trình độ nhập dữ liệu ĐKXT ban đầu của thí sinh lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; đảm bảo quy trình, thời hạn thực hiện công việc theo kế hoạch chung về tuyển sinh.

2. Các trường chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ đủ trình độ làm chuyên trách công nghệ thông tin để thực hiện các công việc sau:

a) Lập địa chỉ e-mail chính thức sử dụng trong công tác tuyển sinh;

b) Khai thác, xử lý thông tin; cập nhật dữ liệu... theo đúng cấu trúc, quy trình, thời hạn lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT;

c) Gửi Giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả thi của thí sinh;

---

[29] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

d) Thực hiện các quy định tại Điều 13 của Quy chế này và các quy định khác về tuyển sinh.

3. Người nhập dữ liệu lên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin đã nhập với thông tin liên quan trong hồ sơ thí sinh và thông tin trên cơ sở dữ liệu thi THPT quốc gia; ký biên bản xác nhận và chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra.

## Chương IV
## TUYỂN SINH TẠI CÁC TRƯỜNG KHÔNG SỬ DỤNG KẾT QUẢ KỲ THI THPT QUỐC GIA

**Điều 17. Yêu cầu về đảm bảo chất lượng đầu vào đối với trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia**

1. Đối với trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển theo bài thi/môn thi hoặc xét tuyển dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT, việc lựa chọn tổ hợp bài thi/môn thi hoặc tổ hợp môn học dùng để xét tuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

2. Đối với trường sử dụng phương án thi tuyển, chính sách đảm bảo chất lượng đầu vào phải được ghi trong đề án tuyển sinh theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

3.[30] Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT để vào ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên như sau:

a) Đối với trình độ ĐH xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại giỏi. Riêng các ngành sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Thể chất xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên.

b) Đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên. Riêng các ngành sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Thể chất (ngành cao đẳng), Sư phạm Thể dục thể thao (ngành trung cấp) xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên.

---

[30] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

4.[31] ***(Được bãi bỏ)***

5. Đối với trường xét tuyển học sinh tốt nghiệp trung cấp vào các ngành học trình độ CĐSP, phải quy định rõ trong đề án tuyển sinh cách thức xét tuyển vào ngành học phù hợp.

6.[32] ***(Được bãi bỏ)***

**Điều 18. Tổ chức thi đối với các trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển**

1. Yêu cầu về đề thi

a) Đối với các môn văn hóa: thực hiện theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT;

b) Đối với các môn thi năng khiếu và các môn thi đánh giá năng lực chuyên biệt: thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của trường do Hiệu trưởng ban hành sau khi có ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường, báo cáo Bộ GDĐT và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường;

2. Tổ chức coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của trường. Nội dung Quy chế tuyển sinh của trường không được trái với các quy định trong Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

**Điều 19. Tổ chức xét tuyển của các trường không sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia**

1. Việc xét tuyển được thực hiện theo đề án tuyển sinh của trường. Các trường có thể lựa chọn các phương thức tuyển sinh:

a) Sơ tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT kết hợp với thi đánh giá năng lực chuyên biệt của thí sinh hoặc sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt của trường khác để xét tuyển;

b) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT;

---

[31] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

[32] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

c) Sử dụng đồng thời các phương thức tuyển sinh trên và phải công bố công khai chỉ tiêu đối với từng phương thức.

2. Chế độ ưu tiên được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này. Trường hợp sử dụng kết quả học tập ở THPT để xét tuyển, điểm ưu tiên được cộng để xét tuyển sau khi thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 của Quy chế này.

3. Thời gian đăng ký thi tuyển, xét tuyển do Hiệu trưởng các trường quy định phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo tại trường và khung kế hoạch thời gian năm học của giáo dục phổ thông.

4. Việc kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo quy định tại Điều 14 , Điều 15 của Quy chế này.

## Chương V
## XỬ LÝ THÔNG TIN PHẢN ÁNH VI PHẠM QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ

### Điều 20. Xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh

1. Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Hội đồng tuyển sinh các trường ĐH, CĐSP, TCSP[33];

b) Thanh tra tuyển sinh và Thanh tra giáo dục các cấp.

2. Các bằng chứng vi phạm Quy chế tuyển sinh sau khi đã được xác minh về tính xác thực là cơ sở để xử lý đối tượng vi phạm.

3. Cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Mọi người dân, kể cả thí sinh và những người tham gia công tác tuyển sinh, nếu phát hiện những hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh cần cung cấp thông tin cho nơi tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật về tố cáo;

b) Người cung cấp thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của thông tin và bằng chứng

[33] Cụm từ "CĐSP" được sửa đổi bởi cụm từ "CĐSP, TCSP" theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

đã cung cấp, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác tuyển sinh.

4. Đối với tổ chức, cá nhân tiếp nhận thông tin và bằng chứng về vi phạm Quy chế tuyển sinh:

a) Tổ chức việc tiếp nhận thông tin, bằng chứng theo quy định; bảo vệ nguyên trạng bằng chứng; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng;

b) Triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực, vi phạm Quy chế tuyển sinh theo thông tin đã được cung cấp;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý và công bố công khai kết quả xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm Quy chế tuyển sinh;

d) Bảo mật thông tin và danh tính người cung cấp thông tin.

**Điều 21. Chế độ báo cáo**

Các trường phải báo cáo Bộ GDĐT:

1. Kết quả tuyển sinh của năm trước ngày 31 tháng 12 của năm.

2. Thông tin về tuyển sinh của trường theo quy định hoặc theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

**Điều 22. Chế độ lưu trữ**

1. Bài thi của các trường tổ chức tuyển sinh theo phương thức thi tuyển hoặc thi tuyển kết hợp với xét tuyển được trường lưu trữ theo thời hạn quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

2. Các tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, trường phải bảo quản và lưu trữ trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ, Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ GDĐT quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

## Chương VI
## KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỐ CÁO

**Điều 23. Khen thưởng**

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh các trường khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng:

1. Những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

2. Những người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

**Điều 24. Giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh**

1. Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh các trường tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Kết thúc tuyển sinh, Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

3. Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 25. Xử lý các trường, cán bộ tuyển sinh và thí sinh vi phạm quy chế**

1. Xử lý cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong trong quá trình thi tuyển được thực hiện theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT.

2. Các trường tuyển sinh vượt chỉ tiêu so với năng lực thực tế thì số thí sinh tuyển vượt chỉ tiêu sẽ bị khấu trừ vào chỉ tiêu tuyển sinh năm sau của trường và nhà trường sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

3. Hiệu trưởng hoặc Chủ tịch HĐTS và những người liên quan bị xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; các quy định khác của pháp luật có liên quan khi vi phạm một trong các lỗi sau đây: [34]

---

[34] Đoạn "Cảnh cáo hoặc có hình thức kỷ luật cao hơn đối với Hiệu trưởng hoặc Chủ tịch HĐTS và những người khác liên quan vi phạm một trong các lỗi sau đây:" được sửa đổi bởi đoạn "Hiệu trưởng hoặc Chủ tịch HĐTS và những người liên quan bị xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; các quy định khác của pháp luật có liên quan khi vi phạm một trong các lỗi sau đây:" theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2018.

a) Ban hành các quyết định liên quan đến công tác tuyển sinh trái với các quy định của Quy chế này;

b) Tuyển sinh những ngành chưa có quyết định mở ngành; tuyển sinh không đúng với nguyện vọng đã đăng ký của thí sinh;

c) Xác định sai chỉ tiêu tuyển sinh so với quy định và tuyển sinh vượt chỉ tiêu;

d) Tổ chức tuyển sinh không đúng với các quy định trong đề án tuyển sinh đã công bố.

đ) Cố ý vi phạm các quy định khác của Quy chế này.

4. Người tham gia công tác tuyển sinh là công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy chế, nếu có đủ chứng cứ, tùy theo mức độ, sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của Luật viên chức, Luật cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức. Đối với những người vi phạm Quy chế tuyển sinh là cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên cơ hữu của các trường ngoài công lập không phải là công chức, viên chức, Hiệu trưởng nhà trường quyết định xử lý theo quy định của Bộ luật lao động và các văn bản pháp luật hiện hành./.

**Phụ lục**

*(Ban hành kèm theo Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy)*

(Cơ quan chủ quản).....
**Trường:**.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM...**

**1. Thông tin chung** (tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

*1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường*

*1.2. Quy mô đào tạo*

| **Khối ngành/Nhóm ngành*** | **Quy mô hiện tại** | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | NCS | Học viên CH | **ĐH** | | **CĐSP** | | **TCSP** | |
| | | | GD chính quy | GD TX | GD chính quy | GD TX | GD chính quy | GD TX |
| Khối ngành/<br>Nhóm ngành I *<br>- Ngành 1<br>- Ngành 2<br>..... | | | | | | | | |
| Khối ngành II | | | | | | | | |
| Khối ngành III | | | | | | | | |
| Khối ngành IV | | | | | | | | |
| Khối ngành V | | | | | | | | |
| Khối ngành VI | | | | | | | | |
| Khối ngành VII | | | | | | | | |
| Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐSP, TCSP) | | | | | | | | |

Khối ngành/Nhóm ngành I *: Nhóm ngành đào tạo giáo viên, kê khai theo ngành

*1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất*

*1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)*

*1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)*

| **Khối ngành/Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển** | **Năm tuyển sinh -2** | | | **Năm tuyển sinh -1** | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Chỉ tiêu** | **Số trúng tuyển** | **Điểm trúng tuyển** | **Chỉ tiêu** | **Số trúng tuyển** | **Điểm trúng tuyển** |
| Khối ngành/Nhóm ngành I*<br>- Ngành 1<br>*Tổ hợp 1:*<br>*Tổ hợp 2:*<br>*Tổ hợp 3:*<br>……<br>- Ngành 2<br>- Ngành 3<br>- Ngành 4<br>…….. | | | | | | |
| Khối ngành II | | | | | | |
| Khối ngành III | | | | | | |
| Khối ngành IV | | | | | | |
| Khối ngành V | | | | | | |
| Khối ngành VI | | | | | | |
| Khối ngành VII | | | | | | |
| **Tổng** | | | | | | |

*- Khối ngành/Nhóm ngành I*: Kê khai theo ngành*

*- Nếu tuyển sinh năm 2018 thì "Năm tuyển sinh -2": là năm tuyển sinh 2016; "Năm tuyển sinh -1": là năm tuyển sinh 2017*

**2. Các thông tin của năm tuyển sinh**

*2.1. Đối tượng tuyển sinh*

*2.2. Phạm vi tuyển sinh*

*2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)*

*2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

*2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

*2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...*

*2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...*

*2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...*

*2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...*

*2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*

*2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....*

**3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm**

*3.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:*

*3.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:*

*3.3. Tuyển sinh bổ sung đợt 3:*

.....

**4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng**

*4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:*

*4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:*

- Tổng diện tích đất của trường;

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo tính trên một sinh viên chính quy (Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu, thư viện, trung tâm học liệu, trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập)

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có).

*4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị*

| TT | Tên | Danh mục trang thiết bị chính |
|---|---|---|
| 1. | Phòng thực hành … | - Tên thiết bị 1:<br>- Tên thiết bị 2:<br>- …… |
| 2. | Phòng thí nghiệm… | - Tên thiết bị 1:<br>- Tên thiết bị 2:<br>- …….. |
| … | ……. | |

*4.1.3. Thống kê phòng học*

| TT | Loại phòng | Số lượng |
|---|---|---|
| 1. | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ | |
| 2. | Phòng học từ 100 - 200 chỗ | |
| 3. | Phòng học từ 50 - 100 chỗ | |
| 4. | Số phòng học dưới 50 chỗ | |
| ... | Số phòng học đa phương tiện | |

*4.1.4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo… sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện*

| TT | Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành | Số lượng |
|---|---|---|
| 1. | Khối ngành/Nhóm ngành I | |
| 2. | Khối ngành II | |
| 3. | Khối ngành III | |
| 4. | Khối ngành IV | |
| 5. | Khối ngành V | |
| 6. | Khối ngành VI | |
| 7. | Khối ngành VII | |

*4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu*

| Khối ngành/Nhóm ngành | GS.TS/ GS.TSKH | PGS.TS/ PGS.TSKH | TS | ThS | ĐH | CĐ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Khối ngành/Nhóm ngành I** | | | | | | |
| *Ngành 1…* | | | | | | |
| Nguyễn Văn A | X | | | | | |
| Lê văn B | | X | | | | |
| Hoàng Văn C | | | | X | | |
| *Ngành 2…* | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành/ Nhóm ngành | | | | | | |
| **Khối ngành II** | | | | | | |
| …… | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành III** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành IV** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành V** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành VI** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành VII** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **GV các môn chung** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| **Tổng số giảng viên toàn trường** | | | | | | |

*4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng*

| **Khối ngành/Nhóm ngành** | **GS.TS/ GS.TSKH** | **PGS.TS/ PGS.TSKH** | **TS** | **ThS** | **ĐH** | **CĐ** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Khối ngành/Nhóm ngành I** | | | | | | |
| *Ngành 1…* | | | | | | |
| Nguyễn Văn D | | X | | | | |
| Lê Văn E | | | X | | | |
| Hoàng Văn F | X | | | | | |
| *Ngành 2…* | | | | | | |
| …… | | | | | | |
| Tổng của khối ngành/nhóm ngành I | | | | | | |
| **Khối ngành II** | | | | | | |
| …… | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành III** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành IV** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành V** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành VI** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| **Khối ngành VII** | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| Tổng của khối ngành | | | | | | |
| | | | | | | |
| ……. | | | | | | |
| **Tổng số giảng viên toàn trường** | | | | | | |

**5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)**

| Nhóm ngành | Chỉ tiêu Tuyển sinh | | | Số SV/HS trúng tuyển nhập học | | | Số SV/HS tốt nghiệp | | | Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | ĐH | CĐSP | TCSP | ĐH | CĐSP | TCSP | ĐH | CĐSP | TCSP | ĐH | CĐSP | TCSP |
| Khối ngành/Nhóm ngành | | | | | | | | | | | | |
| Khối ngành II | | | | | | | | | | | | |
| Khối ngành III | | | | | | | | | | | | |
| Khối ngành IV | | | | | | | | | | | | |
| Khối ngành V | | | | | | | | | | | | |
| Khối ngành VI | | | | | | | | | | | | |
| Khối ngành VII | | | | | | | | | | | | |
| **Tổng** | | | | | | | | | | | | |

**6. Tài chính**

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

Cán bộ kê khai
*(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)*

Ngày……. tháng..... năm 201.....
**HIỆU TRƯỞNG**